TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số:190/2018/ QĐST-HNGĐ	*Hoàn Kiếm, ngày 21 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình về "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" thụ lý số 229/2018/TB-TLVA ngày 13 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

* Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1964. Nơi cư trú: số 4 phố T, phường C, quận Đống Đa, Hà Nội.

* Ông Nguyễn Xuân T - Sinh năm: 1962. Nơi cư trú: số 71 phố L, phường L, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, 396, 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 38, 39, 55, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 36 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13/6/2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình về "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" thụ lý số 229/2018/TB-TLVA ngày 13 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY

Bà Nguyễn Thị L và Ông Nguyễn Xuân T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 7 năm 1987 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận kết hôn số 294, quyển số 01. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bẩy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà **Nguyễn Thị L** và Ông **Nguyễn Xuân T**

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Thu H, sinh ngày 1988, Nguyễn Việt H, sinh ngày 1991. Các con đã trưởng thành nên ông T bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nhà đất ở: Có một nhà đất là tài sản chung vợ chồng tại số 186 B9 A, tổ 44, cụm 7, phường Y, quận Tây Hồ, T phố Hà Nội, (*Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103052721 cho bà Nguyễn Thị T và ông Kiều Văn T vào ngày 11/12/2002*) đã được Văn phòng đăng ký đất và nhà quận Tây Hồ, T phố Hà Nội thực hiện thủ tục đăng ký chuyển nhượng cho chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Xuân T vào ngày 23 tháng 7 năm 2009.

Công nhận sự thỏa thuận về nhà đất của ông T bà L như sau:

- Sau khi ly hôn, nhà đất tại số 186 B9 A, tổ 44, cụm 7, phường Y, quận Tây Hồ, T phố Hà Nội, (*Ủy ban nhân dân T phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103052721 cho bà Nguyễn Thị T và ông Kiều Văn T vào ngày 11/12/2002*) đã được Văn phòng đăng ký đất và nhà quận Tây Hồ, T phố Hà Nội thực hiện thủ tục đăng ký chuyển nhượng cho chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Xuân T vào ngày 23 tháng 7 năm 2009 thuộc toàn quyền sử dụng sở hữu của bà Nguyễn Thị L, bà L có toàn quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tiến hành việc đăng ký sang tên theo quy định của pháp luật.

- Ngoài tài sản nhà đất tại số 186 B9 A, tổ 44, cụm 7, phường Y, quận Tây Hồ, T phố Hà Nội (*Ủy ban nhân dân T phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103052721 cho bà Nguyễn Thị T và ông Kiều Văn T vào ngày 11/12/2002. Văn phòng đăng ký đất và nhà quận Tây Hồ, T phố Hà Nội thực hiện thủ tục đăng ký chuyển nhượng cho chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Xuân T vào ngày 23 tháng 7 năm 2009*) ông T bà L không còn tài sản chung nào khác.

4. Về nơi ở sau ly hôn: Ông T bà L thỏa thuận ông T tự lo nơi ở sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về công nợ chung: Ông T bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

III. **Lệ phí ly hôn sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu cả số tiền 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí lệ phí Tòa án bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm ngày 11/6/2018, số biên lai AA/2016/0002373.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**
- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- UBND phường L;
- UBND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục Thi hành án DSQHK;

- Lưu HS.

NGUYỄN THU HÀ